

Quan hệ giữa cha mẹ và vị thành niên trong gia đình (Qua phân tích số liệu điều tra gia đình Việt Nam năm 2006): Luận văn ThS. Xã hội học: 60 31 30 \ Lê Thu Hiền ; Nghd. : PGS.TS. Nguyễn Hữu Minh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	2
PHẦN 1. MỞ ĐẦU.....	3
1. Lý do chọn đề tài.....	3
2. Vài nét về vấn đề nghiên cứu.....	3
3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn.....	7
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	7
4.1. Mục đích nghiên cứu.....	8
4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	8
5. Đối tượng, khách thể nghiên cứu	8
5.1. Đối tượng nghiên cứu	8
5.2. Khách thể nghiên cứu.....	8
6. Phương pháp nghiên cứu.....	8
6.1. Phương pháp luận	8
6.2. Phương pháp phân tích cụ thể.....	9
7. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.....	9
7.1 Câu hỏi nghiên cứu	9
7.2 Giả thuyết nghiên cứu	9
8. Kết cấu luận văn.....	9
PHẦN 2. NỘI DUNG	11
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA NGHIÊN CỨU QUAN HỆ GIỮA CHA MẸ VÀ VỊ THÀNH NIÊN TRONG GIA ĐÌNH.....	11
1.1. Các khái niệm công cụ	11
1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu	11

CHƯƠNG 2. QUAN NIỆM VỀ GIÁ TRỊ CỦA VỊ THÀNH NIÊN TRONG CUỘC SỐNG.....	14
2.1 Quan điểm về sự hi sinh của cha mẹ đối với VTN và sự vâng lời của VTN đối với cha mẹ.	14
2.2 Sự ưu tiên của cha mẹ đối với VTN là trai-gái trong một số lĩnh vực.....	16
2.3 Những lo lắng của cha mẹ đối với VTN	17
CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VỀ HÔN NHÂN	20
3.1 Quan điểm về quyền quyết định trong hôn nhân	20
3.2 Quan điểm về sống chung/riêng sau hôn nhân.....	23
KẾT LUẬN.....	25

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

VTN	Vị thành niên
TLN	Thảo luận nhóm
PVS	Phỏng vấn sâu
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
CĐ	Cao đẳng
ĐH	Đại học

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Gia đình với chức năng giáo dục thế hệ trẻ luôn là mối quan tâm của xã hội. Môi trường giáo dục gia đình đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình xã hội hóa cá nhân. Ở tuổi vị thành niên, lứa tuổi có nhiều thay đổi về thể chất, tâm sinh lý, dễ chịu tác động của những biến đổi trong xã hội, vai trò của gia đình càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Bởi lẽ, ở lứa tuổi này, nếu không nhận được sự quan tâm, giáo dục một cách đúng đắn từ phía gia đình, các em sẽ rất dễ sa vào các tệ nạn xã hội, có xu hướng thực hiện các hành vi lệch chuẩn gây nên những hậu quả đáng tiếc đối với bản thân vị thành niên, gia đình và xã hội.

Trong khi đó, sự phát triển về kinh tế hiện nay cùng với xu thế giao lưu, hội nhập quốc tế, văn hóa xã hội mang tính chất toàn cầu, ngoài những tác động tích cực còn có những mặt hạn chế làm cho các mối quan hệ cũng như các tác động giáo dục và ảnh hưởng của giáo dục gia đình có chiều hướng giảm sút. Cơ chế thị trường và các tác động của xã hội hiện đại đang làm cho mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình ngày càng lỏng lẻo, thậm chí là xa cách. Các bậc cha mẹ có thể có ít thời gian quan tâm tới con cái của họ hơn so với trước đây. Mặt khác, mối quan hệ giữa cha mẹ với vị thành niên hiện nay không đơn thuần là quan hệ một chiều theo cách mà chúng ta vẫn thường hiểu đó là con cái vâng lời cha mẹ một cách tuyệt đối. Vị thành niên bây giờ có cách thể hiện những chính kiến, quan điểm của mình theo cách của riêng các em. Như vậy, nếu giữa cha mẹ và vị thành niên không hiểu và tìm được tiếng nói chung về một số vấn đề trong cuộc sống, việc thực hiện chức năng giáo dục của gia đình đối với vị thành niên sẽ trở nên khó khăn.

Với mong muốn làm rõ hơn một số khía cạnh trong mối quan hệ giữa cha mẹ và vị thành niên trong gia đình từ điểm nhìn của cả hai bên, tác giả đã lựa chọn đề tài “Quan hệ giữa cha mẹ và vị thành niên trong gia đình” (qua phân tích số liệu Điều tra gia đình Việt Nam 2006).

2. Vài nét về vấn đề nghiên cứu

Vị thành niên là lứa tuổi có những thay đổi cả về mặt tâm sinh lý lẫn xã hội nói chung và bắt đầu hình thành những định hướng giá trị: cái tốt, cái xấu, cái hay, cái dở, cái đúng, cái sai; và các lý tưởng sống và thể giới quan của bản thân. Do đó, quan hệ của cha mẹ và vị thành niên tốt đẹp là yếu tố rất quan trọng trong việc giáo dục và hình thành nhân cách của các em trong giai đoạn này. Một vài nghiên cứu gần đây đã khẳng

định vai trò của mối quan hệ cha mẹ-con cái đối với việc củng cố các mối quan hệ trong gia đình cũng như hiệu quả giáo dục gia đình. Theo đó, giáo dục sẽ thuận lợi và đạt hiệu quả cao khi giữa cha mẹ và con có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau (Nguyễn Thị Bích Hồng, 2004). Bởi lẽ, mối quan hệ này có ảnh hưởng tới nhiều khía cạnh trong đời sống của con như học tập, tâm lý hay thể chất... Do đó, khi cha mẹ quan tâm, chăm lo tích cực, đối xử công bằng với con sẽ giúp con học hành tiến bộ hơn. Ngược lại, khi cha mẹ bất hòa, mâu thuẫn với nhau hoặc giữa cha mẹ và con xung đột, căng thẳng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, hiệu quả lao động kém, kết quả học tập của con giảm sút (Đương Thị Diệu Hoa và Ngô Thị Kim Dung, 2005).

Trong khi đó, một số tác giả khi nghiên cứu về mối quan hệ này trong gia đình đã nhận định rằng: sự thay đổi của bối cảnh kinh tế xã hội nói chung khiến phần lớn các bậc cha mẹ hiện nay phải dành nhiều thời gian hơn cho những hoạt động kinh tế bên ngoài gia đình và không dành sự quan tâm thích đáng đối với con cái. Từ đó, con cái đầy đủ về vật chất nhưng lại thiếu thốn tình cảm và sự chia sẻ của cha mẹ dẫn tới mối quan hệ gắn bó giữa cha mẹ và con trong gia đình hiện nay đang có chiều hướng giảm dần (Nguyễn Thanh Bình, 2001; Lưu Song Hà, 2007; Đỗ Ngọc Khanh, 2010). Các nghiên cứu gần đây về mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình chủ yếu tập trung khai thác một số khía cạnh sau:

Thứ nhất là những *mâu thuẫn, xung đột* trong mối quan hệ này ở một số lĩnh vực như đời sống tâm lý, tình cảm, hay quan hệ với bạn bè...

Nghiên cứu của tác giả Phí Thị Hiếu (2007) cho thấy hiện nay ngày càng có nhiều thiếu niên bị rối nhiễu tâm lý do căng thẳng trong quan hệ với cha mẹ mang lại. Khi có mâu thuẫn trong quan hệ với cha mẹ, VTN chủ yếu ứng phó bằng hành động tích cực như tự nỗ lực giải tỏa bằng các hoạt động giải trí, rất ít VTN chọn hành động một cách tiêu cực (Phí Thị Hiếu, 2007; Lưu Song Hà, 2004), ứng xử bằng hành vi phi ngôn ngữ như vùng vằng, im lặng giận dỗi (Đỗ Hạnh Nga, 2006).

Các nghiên cứu cũng phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến mức độ xung đột trong mối quan hệ này như trình độ học vấn, nghề nghiệp của cha mẹ hay giới tính của VTN...

Nghiên cứu của Đỗ Hạnh Nga (2006) về xung đột tâm lý giữa cha mẹ và con ở tuổi VTN về nhu cầu độc lập đã chỉ ra ảnh hưởng của yếu tố *trình độ học vấn và nghề nghiệp* của cha mẹ trong quan hệ với con cái.

Yếu tố giới cũng chi phối phần nào tới vấn đề này: các em nam hay xung đột với cha mẹ về lĩnh vực này hơn các em nữ (Đỗ Hạnh Nga, 2006). Ngoài ra, trong đời sống tình cảm của con cái ví dụ như mối quan hệ với bạn bè, cho dù con cái là người quyết định chính song cha mẹ vẫn tham gia nhất định vào việc này và quyết định của cha mẹ thể hiện rõ hơn ở những gia đình ở thành thị, có mức sống cao hơn và cha mẹ có học vấn cao hơn (Bộ Văn hóa, thể thao, du lịch và các cơ quan khác, 2008).

Thứ hai, các nghiên cứu gần đây khi đề cập tới *khía cạnh giáo dục* trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con đều có chung nhận định: các bậc cha mẹ hiện nay cũng rất quan tâm đến việc học tập của con, coi việc đầu tư cho con học hành là một trong những nguồn chi phí lớn nhất trong nguồn chi của một gia đình (Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, 2007; Đặng Bích Thủy, 2008). Và hầu hết các gia đình đều đã thực hiện đầu tư cho con học hành ở các mức độ khác nhau. Riêng đối với VTN, các bậc cha mẹ hiện nay không chỉ đơn thuần quan tâm đến giáo dục truyền thống đạo đức gia đình mà còn bắt đầu quan tâm giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản (Nguyễn Linh Khiếu, 2003; Nguyễn Hữu Minh 2006 và Ngô Thị Ngọc Anh, 2008; Hoàng Bá Thịnh, 2006). Tuy nhiên, vai trò của cha mẹ trong lĩnh vực này chưa thực sự rõ ràng bởi lẽ các bậc cha mẹ cho rằng nói chuyện về tình dục sẽ khuyến khích các em sớm có quan hệ tình dục và sự thiếu kiên thức của cha mẹ về vấn đề này là một trong những rào cản hạn chế mức độ và chiều sâu trong giao tiếp (Nguyễn Linh Khiếu, 2003; Trịnh Văn Thắng, 2004).

Trình độ học vấn của cha mẹ và nơi cư trú là hai yếu tố ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa cha mẹ và con trong lĩnh vực này. Thông thường, các bậc cha mẹ ở thành thị và có trình độ học vấn cao có sự quan tâm nhiều hơn tới con cái (Nguyễn Hữu Minh và các tác giả khác, 2008). Do đó, con cái của họ cũng được chăm sóc, giáo dục một cách tốt hơn và một trong số những hệ quả của điều này là tính độc lập trong ứng xử của trẻ em tăng theo trình độ học vấn của cha mẹ và ở thành phố cao hơn so với khu vực khác (Nguyễn Thị Hoa, 2008).

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan (2006) liên quan đến định hướng giá trị về nghề nghiệp cho con cái của các bậc cha mẹ ở Hà Nội cho biết: cha mẹ có trình độ học vấn phổ thông, trung cấp hay cao đẳng có xu hướng thích con cái làm công chức, viên chức hơn nhóm cha mẹ có trình độ đại học. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, yếu tố *tuổi của cha mẹ* có ảnh hưởng tới việc định hướng nghề nghiệp cho con.

Việc cả cha và mẹ cùng tham gia vào việc giáo dục con cái là điều rất quan trọng để đạt được hiệu quả tốt nhất (Lê Thi, 2002). Tuy nhiên, có sự khác biệt về vai trò của cha và mẹ trong lĩnh vực này. Ví dụ như đối với việc học tập của con cái, người mẹ luôn có vai trò gần gũi, nhắc nhở và giúp đỡ con học bài nhiều hơn so với người cha (Đặng Thị Hoa, 2008). Về cơ bản nếu là con trai thì người thực hiện giáo dục chính là bố và nếu là con gái thì người thực hiện là mẹ. Nhìn chung, cách nhìn nhận của các em về người mẹ có xu hướng tích cực hơn bởi lẽ theo các em, người mẹ là người yêu thương và quan tâm đến con nhiều hơn so với cha (Luu Song Hà, 2006).

Phương pháp giáo dục VTN cũng được đề cập nhiều trong các nghiên cứu về quan hệ giữa cha mẹ và con ở độ tuổi này. Một số nghiên cứu cũng đã chỉ ra một trong số những phương pháp giáo dục tốt đối với trẻ VTN đó là cha mẹ phải là tấm gương sáng cho con cái noi theo (Nguyễn Hồi Loan, 2000; Đỗ Long, 2004). Và đối với con cái hiện nay, phương pháp giáo dục truyền thống một chiều theo cách áp đặt cần phải được thay đổi, các bậc cha mẹ phải chú trọng tới phương pháp giáo dục hai chiều: con cái học tập, nghe lời cha mẹ, cha mẹ cũng lắng nghe ý kiến trình bày của con cái, quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của chúng (Lê Thi, 2002).

Thứ ba, trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con ở tuổi VTN, các nghiên cứu thường đề cập tới *ứng xử trong quan hệ giữa cha mẹ và con*. Thái độ, cách ứng xử của cha mẹ đối với VTN trong đời sống hàng ngày có ảnh hưởng tới sự phát triển của các em. Tác giả Đỗ Ngọc Khanh (2004) cho rằng: con cái có mức độ tự đánh giá bản thân cao khi bố mẹ có cư xử ấm áp, quan tâm và kiểm soát. Ngược lại chúng sẽ có mức độ tự đánh giá bản thân thấp khi cha mẹ ít quan tâm, cư xử không ấm áp, ít kiểm soát và mức độ hà khắc cao. Từ phía VTN, bản thân các em mong muốn cha mẹ có thay đổi trong quan hệ đối với mình, mong các bậc cha mẹ quan tâm và đối xử với chúng bớt nghiêm khắc, cứng nhắc hơn (Luu Song Hà, 2007).

Một nghiên cứu khác của khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội về tội phạm ở lứa tuổi chưa thành niên tại Việt Nam trong giai đoạn 1996-2000 cho thấy thái độ đối xử không phù hợp của cha mẹ cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Nguyệt (2007) đối với gần 200

hộ gia đình ở nông thôn và thành phố Ninh Bình cũng cho kết quả tương tự như vậy về ứng xử giữa cha mẹ đối với con.

Thứ tư, các nghiên cứu gần đây còn đề cập tới sự thay đổi theo xu hướng dân chủ trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, đặc biệt là con ở độ tuổi VTN.

Nghiên cứu về kinh tế hộ gia đình và các quan hệ xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Hồng, tác giả Nguyễn Đức Truyền (1997) nhấn mạnh rằng các quan hệ trong gia đình có sự phân biệt theo trật tự cha mẹ, con cái song quyền lực của cha mẹ không mang tính tuyệt đối như trong gia đình Nho giáo. Con cái trong gia đình có quyền tự do tìm hiểu song cần phải có sự chấp thuận của cha mẹ.

Tác giả Lê Thi (2002) cho rằng cần phải xây dựng mối quan hệ dân chủ giữa cha mẹ và con cái và để thiết lập được mối quan hệ thân mật và bình đẳng giữa cha mẹ và con cái, cha mẹ cần có sự tôn trọng đối với VTN. Đây là một trong những nguyên tắc để giải quyết xung đột giữa cha mẹ và con cái ở độ tuổi này. Và khi cha mẹ thực sự tôn trọng suy nghĩ và hành động của con em mình, họ sẽ phải cân nhắc lựa chọn giữa lợi ích của bản thân mình và con cái khi có sự khác biệt (Nguyễn Phương Hoa, 2000).

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu về quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong độ tuổi vị thành niên tương đối đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu chưa đi sâu phân tích nhiều tới xu hướng dân chủ, bình đẳng ngày càng rõ rệt trong mối quan hệ này. Do đó, luận văn sẽ tập trung vào phân tích sự khác biệt giữa cha mẹ và VTN trên một số lĩnh vực để làm rõ chiều cạnh dân chủ, bình đẳng trong mối quan hệ giữa hai thế hệ này trong gia đình.

3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Bằng cách phân tích các tác động của điều kiện kinh tế - xã hội làm biến đổi mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình xét từ khía cạnh dân chủ, đề tài góp phần phát hiện những biểu hiện của sự thay đổi trong mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN.

Kết quả nghiên cứu cũng giúp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong việc xây dựng mối quan hệ trong gia đình hòa thuận, đảm bảo hiệu quả giáo dục của thiết chế gia đình trong bối cảnh hiện tại.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

- Làm rõ một số biểu hiện của mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình liên quan đến quan niệm về giá trị VTN cũng như quyền quyết định của VTN trong gia đình qua phân tích số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006.

- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con ở tuổi VTN ở các khía cạnh trên.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng hợp các tài liệu nghiên cứu có liên quan về chủ đề mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN.

- Phân tích số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam về các khía cạnh sau: quan niệm của cha mẹ về giá trị của VTN trong cuộc sống, quan điểm của cha mẹ và VTN về quyền quyết định trong hôn nhân và việc sống chung, sống riêng sau hôn nhân.

- Xem xét các yếu tố nơi cư trú, mức sống hộ gia đình, trình độ học vấn, giới tính của cha mẹ và giới tính của VTN ảnh hưởng như thế nào tới quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình.

- Áp dụng lý thuyết về xã hội hóa, lý thuyết xung đột và tương tác biểu trưng để lý giải quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình.

5. Đối tượng, khách thể nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Mối quan hệ giữa cha mẹ và vị thành niên trong gia đình (qua phân tích số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006).

5.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của đề tài bao gồm: cha mẹ trong những gia đình có con cái ở độ tuổi từ 15-17 tuổi và vị thành niên trong những gia đình này ở độ tuổi từ 15-17.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

6.1.1 Lý thuyết về quá trình xã hội hóa

6.1.2 Lý thuyết tương tác biểu trưng

6.1.3 Lý thuyết xung đột

6.2. Phương pháp phân tích cụ thể

Luận văn sử dụng một phần bộ số liệu định lượng và định tính của Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006 để phân tích quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình.

Một trong số những nội dung nghiên cứu về mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình của cuộc điều tra đó là quan hệ giữa cha mẹ và con cái chưa trưởng thành.

Tập trung về sự khác biệt giữa cha mẹ và VTN trên một số lĩnh vực để làm rõ chiều cạnh dân chủ trong quan hệ cha mẹ và con cái, đề tài sử dụng một số câu hỏi trong bảng hỏi phỏng vấn người đại diện gia đình từ 18-60 tuổi đối với 2.603 hộ gia đình có VTN từ 15-17 tuổi và phần phỏng vấn đối với 2.452 VTN trong độ tuổi từ 15-17.

Dữ liệu định tính được phân tích từ một số phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với nội dung chủ yếu liên quan đến hôn nhân (tác động của gia đình, quan niệm về giá trị hôn nhân của cha/mẹ và những quan niệm này ảnh hưởng như thế nào đến vấn đề chọn bạn đời, hôn nhân của VTN...) VTN suy nghĩ về gia đình, mối quan hệ với cha mẹ...

7. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

7.1 Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài đặt ra 2 câu hỏi nghiên cứu:

- Thứ nhất, mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN hiện nay biểu hiện theo chiều hướng nào, phục tùng cha mẹ tuyệt đối hay dân chủ?
- Thứ hai, những yếu tố nào có quan hệ với xu hướng quan hệ trên?

7.2 Giả thuyết nghiên cứu

Để trả lời cho 2 câu hỏi nghiên cứu đã nêu, đề tài đưa ra 2 giả thuyết nghiên cứu như sau:

- Giả thuyết thứ nhất: Quan hệ giữa cha mẹ và VTN hiện nay biểu hiện theo chiều hướng “dân chủ hóa” có nghĩa là giữa vị thành niên và cha mẹ không chỉ tồn tại quan hệ một chiều cha mẹ ra lệnh, con cái phục tùng.
- Giả thuyết thứ hai: Trình độ học vấn của cha mẹ và hoàn cảnh kinh tế gia đình là hai yếu tố tác động nhiều tới xu hướng “bình đẳng” hay “dân chủ hóa” trong mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN. Cha mẹ có học vấn cao thì mối quan hệ cha mẹ-VTN bình đẳng hơn; Gia đình có mức sống cao hơn thì mối quan hệ cha mẹ-VTN bình đẳng hơn.

8. Kết cấu luận văn

Luận văn gồm 3 phần chính:

Phần I: Mở đầu

Giới thiệu khái quát nội dung của đề tài

Phần II: Nội dung

Chương I: Cơ sở lý luận của nghiên cứu quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình.

Chương II: Quan niệm của cha mẹ về giá trị của VTN trong cuộc sống.

Chương III: Quan điểm về hôn nhân

Phần III: Kết luận

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

PHẦN 2. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA NGHIÊN CỨU QUAN HỆ GIỮA CHA MẸ VÀ VỊ THÀNH NIÊN TRONG GIA ĐÌNH

1.1. Các khái niệm công cụ

1.1.1 Khái niệm “Gia đình”

Trong luận văn này, khái niệm gia đình được hiểu là một nhóm người có quan hệ hôn nhân hoặc huyết thống với nhau, thường chung sống và hợp tác kinh tế với nhau để thoả mãn những nhu cầu cơ bản trong cuộc sống của họ về: sinh đẻ và nuôi dạy con cái, chăm sóc người già và người ốm. Dưới dạng phổ biến nhất hiện nay, gia đình gồm thành viên của hai giới nam và nữ có con đẻ hoặc con nuôi.

1.1.2 Khái niệm “Vị thành niên”

Khái niệm vị thành niên là một trong những khái niệm thường đem lại nhiều tranh luận cả về nội hàm lẫn ngôn từ trong tư duy khoa học. Tùy thuộc vào cách tiếp cận, chức năng, nhiệm vụ của mỗi chuyên ngành mà VTN lại được xem xét theo một cách thức riêng.

Trong phạm vi nghiên cứu này, đề tài tập trung nghiên cứu vị thành niên có độ tuổi từ 15 đến 17 tuổi.

1.1.3 Quan hệ giữa cha mẹ và vị thành niên

Ở đề tài này, quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình được phân tích với hai nội dung bao gồm: Thứ nhất, quan niệm của cha mẹ về giá trị của VTN trong cuộc sống thể hiện ở: sự hi sinh của cha mẹ với con cái và sự vâng lời của con cái đối với cha mẹ, ưu tiên của cha mẹ với VTN nam và nữ trên một số lĩnh vực như tình cảm, phân công công việc trong gia đình và đầu tư học hành, và lo lắng của các bậc cha mẹ đối với VTN; Thứ hai, quan điểm của cha mẹ và VTN về hôn nhân bao gồm quyền quyết định trong hôn nhân và việc sống chung, riêng sau khi kết hôn.

1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Đề tài tiếp cận vấn đề nghiên cứu trên cơ sở cách tiếp cận của các lý thuyết: lý thuyết xã hội hóa, thuyết tương tác biểu trưng, và thuyết xung đột.

Cách tiếp cận theo thuyết xã hội hóa

Theo cách tiếp cận của lý thuyết này, xã hội hoá là một quá trình diễn ra không ngừng nghỉ trong suốt cuộc đời con người. Với những đặc

trung mang tính sinh học của tuổi tác, mỗi giai đoạn của cuộc đời lại có những đặc điểm và đòi hỏi riêng của quá trình xã hội hoá.

Như vậy, ở giai đoạn này, ngoài những yếu tố, tác nhân tham gia vào quá trình xã hội hóa như môi trường bạn bè, trường học... gia đình vẫn giữ một vai trò không nhỏ, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của quá trình xã hội hóa giai đoạn thanh niên - tuổi VTN, mà trong đó, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái là yếu tố hết sức quan trọng trong định hướng, giáo dục VTN tiếp thu những chuẩn mực, giá trị tích cực tạo tiền đề thực hiện tốt quá trình xã hội hóa ở giai đoạn này.

Cách tiếp cận theo thuyết tương tác biểu trưng

Cách tiếp cận này chủ yếu áp dụng vào nghiên cứu quá trình xã hội hóa trẻ em. Theo cách tiếp cận này, con người ta phát triển quan niệm bản thân thông qua cái nhìn, quan điểm của người khác về họ, thông qua sự tương tác với những người đóng vai trò quan trọng trong đời sống cá nhân (như cha mẹ, thầy cô giáo, bạn cùng tuổi hay thậm chí các ca sĩ, ngôi sao điện ảnh, vận động viên v.v...).

Áp dụng vào lí giải: phân tích mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN dựa trên việc phân tích quan điểm của cha mẹ và VTN trên cùng một câu hỏi, hoặc những câu hỏi liên quan tới suy nghĩ của VTN hay cha mẹ về những vấn đề có xu hướng ảnh hưởng tới mối quan hệ này ở hiện tại và trong tương lai.

Trong giai đoạn xã hội hóa này, VTN tương tác với rất nhiều các mối quan hệ khác ngoài gia đình, bố mẹ như các nhóm bạn bè, đồng đẳng... Vì vậy, VTN không đơn thuần tiếp thu một cách thụ động những gì mà các em được giáo dục mà còn chủ động hình thành nên những suy nghĩ, hành động theo những điều mà các em cho là đúng đắn. Hay nói cách khác, bên cạnh việc tiếp thu và làm theo những chuẩn mực được cha mẹ và người thân trong gia đình dạy dỗ, bản thân các em qua những tương tác khá đa dạng này cũng hình thành những suy nghĩ và quan điểm của riêng mình trong nhiều lĩnh vực liên quan tới cuộc sống.

Do vậy, hiểu theo một khía cạnh nào đó, việc so sánh sự giống hay khác trong quan điểm của cha mẹ và VTN thể hiện được hiệu quả trong tương tác hàng ngày giữa cha mẹ và con cái, liệu họ có giao tiếp tốt với nhau để cha mẹ đạt được mục tiêu về giáo dục con cái ở độ tuổi này hay không? Hay con cái có những suy nghĩ trái ngược với cha mẹ nhưng vẫn phải phục tùng hay không? Và nếu có sự khác biệt quá lớn thì cần có những điều chỉnh trong tương lai như thế nào giữa cha mẹ và VTN để họ

tương tác với nhau được tốt hơn, khiến cho mối quan hệ gia đình này gắn bó, đảm bảo tính bền vững của thiết chế gia đình.

Cách tiếp cận xung đột

Cách tiếp cận xung đột coi xã hội về cơ bản không mang tính hợp tác, mà chia rẽ. Các cá nhân và nhóm xung đột với nhau, và các nhà nghiên cứu cố gắng tìm ra và nhận diện những lực lượng cạnh tranh, xung đột nhau này. Cách tiếp cận xung đột này không coi xung đột là tội tề mà coi nó như một bộ phận tự nhiên của đời sống gia đình. Theo đó, gia đình bao gồm những cá nhân có nhân cách, lý tưởng, giá trị, sở thích và mục đích khác nhau. Mỗi người không phải bao giờ cũng hài hòa với mọi người khác trong gia đình. Các gia đình thường có bất đồng từ nhỏ đến lớn. Họ chỉ khác nhau về tần số và mức độ, tính chất, biểu hiện và các giải quyết xung đột. (Mai Huy Bích, 2003)

Theo cách tiếp cận này, yếu tố hết sức quan trọng là quyền lực. Mọi người trong gia đình đều có quyền lực ở mức độ khác nhau. Cá nhân nào, nhóm nào có nhiều quyền lực nhất thì thắng trong cuộc xung đột. Và vì xung đột được coi là bình thường nên giải pháp cho nó là ở giao tiếp, mặc cả và thương lượng.

Áp dụng cách tiếp cận xung đột để xem xét mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình ta thấy các bậc cha mẹ và con cái đều là những cá nhân riêng rẽ, có tính cách, sở thích và mục đích khác nhau. Đối với cha mẹ, giáo dục con cái trở thành những con người tốt, thành đạt là mục tiêu lớn trong cuộc sống. Và để đạt mục tiêu này, mỗi gia đình, mỗi bậc cha mẹ lại sử dụng những cách thức giáo dục khác nhau. Còn con cái, ở độ tuổi mới lớn, có thể chỉ một số ít mới hiểu và thông cảm được với những lo lắng, trăn trở và tình cảm đó của cha mẹ. Thậm chí, nếu chúng không hiểu được điều đó, cha mẹ lại sử dụng “quyền lực” làm cha mẹ của mình một cách không thích hợp sẽ dễ dẫn tới xung đột trong mối quan hệ này và giảm tính hiệu quả trong giáo dục con cái ở tuổi VTN của các bậc cha mẹ.

Tuy nhiên, khi tiếp cận theo quan điểm này với các mối quan hệ trong gia đình, chúng ta cũng phải quan tâm tới đặc thù của thiết chế gia đình như: trong gia đình, ngoài xung đột, con người ta còn có sự tự hi sinh và hợp tác. Gia đình không thể tồn tại nếu xung đột lấn át sự hi sinh và hợp tác. Bên cạnh đó, cách tiếp cận này cho rằng những khác biệt dẫn tới xung đột, nhưng thực ra sự khác biệt có thể được chấp nhận mà không nhất thiết dẫn tới xung đột.

CHƯƠNG 2. QUAN NIỆM VỀ GIÁ TRỊ CỦA VỊ THÀNH NIÊN TRONG CUỘC SỐNG

2.1 Quan điểm về sự hi sinh của cha mẹ đối với VTN và sự vâng lời của VTN đối với cha mẹ.

Tình cảm của cha mẹ đối với con cái là một thứ tình yêu thương tự nhiên và bản thân nó vốn là sự tự nguyện hi sinh của cha mẹ đối với con cái. Ngày nay, liệu rằng cùng với sự biến đổi của xã hội, quan niệm này từ phía cha mẹ và con cái ở tuổi VTN có gì thay đổi hay không?

Dữ liệu được sử dụng để phân tích từ câu trả lời đối với hai câu hỏi: 1) Anh/chị có đồng ý với quan điểm cha mẹ hi sinh tất cả cho con cái; và 2) Con cháu luôn tuân theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi hay không? Câu hỏi này được dành cho cả hai đối tượng là cha mẹ và VTN, do đó chúng ta có thể so sánh để thấy được sự tương đồng hay khác biệt trong cách nghĩ của cha mẹ và VTN. Từ suy nghĩ, quan điểm chúng ta có thể có cơ sở để đánh giá về xu hướng hành vi, cách cư xử trong mối quan hệ thường ngày của cha mẹ và VTN trong gia đình.

Kết quả phân tích cho thấy, cả cha mẹ và VTN đều thống nhất cao với tỉ lệ đồng ý với nhận định “cha mẹ hi sinh tất cả cho con cái” đều trên 80% và tỉ lệ cha mẹ nói chung đồng ý với nhận định này cao hơn so với VTN là 8,8 điểm phần trăm.

So sánh theo trình độ học vấn cha mẹ, kết quả phân tích cho thấy tỉ lệ đồng ý với nhận định này thấp nhất ở nhóm cha mẹ có trình độ học vấn mù chữ/không đi học, biết đọc, biết viết và nhóm cha mẹ có trình độ học vấn từ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên (lần lượt là 85,5% và 89,6%). Các nhóm còn lại đều trên 91%. Kết quả này không mang ý nghĩa thống kê với $p=0.133$.

Tỉ lệ ý kiến đồng ý với quan điểm này có xu hướng tỉ lệ nghịch với mức sống gia đình: ở những gia đình có mức sống khá giả trở lên, cha mẹ và VTN đồng ý với quan điểm này ít hơn so với những gia đình có mức sống trung bình, nghèo và rất nghèo. Tuy nhiên, kết quả này không mang ý nghĩa thống kê với $p>0,05$.

So sánh theo khu vực, tỉ lệ đồng ý ở các bậc cha mẹ và VTN ở thành thị thấp hơn so với nông thôn lần lượt như sau: với cha mẹ, tỉ lệ đồng ý với nhận định này là 90,7% so với 94,6% và ở VTN là 80,9% so với 94,6%. Kết quả này mang ý nghĩa thống kê với hệ số p đều $<0,05$.

Khi xem xét quan điểm này theo giới tính VTN ta thấy, nam VTN có tỉ lệ đồng ý với nhận định cao hơn so với nữ VTN 5,2 điểm phần trăm (86,9% so với 82,7%). Kết quả mang ý nghĩa thống kê với hệ số $p=0,030$.

Đối với nhận định “con cái luôn tuân theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi”, ý kiến từ phía cha mẹ và VTN như thế nào?

Kết quả thu được cho thấy sự khác biệt lớn hơn giữa cha mẹ và VTN: 90,3% cha mẹ đồng ý với quan điểm này, trong khi đó, theo quan điểm của VTN, tỉ lệ đồng ý chỉ có 75,7%, ít hơn 1,2 lần so với tỉ lệ đồng ý ở cha mẹ. (xem biểu 3). Điều này cũng cho thấy một sự thay đổi đáng kể giữa các thế hệ trong quan niệm về quan hệ giữa cha mẹ và con cái.

So sánh theo mức sống hộ gia đình, tỉ lệ cha mẹ và VTN đồng ý với quan điểm này giảm dần theo mức sống ngày càng tăng. Và tỉ lệ VTN đồng ý với nhận định này thấp hơn so với các bậc cha mẹ ở tất cả các nhóm hộ gia đình có mức sống khác nhau.

Như vậy, cha mẹ vẫn lưu giữ quan điểm rằng những lời khuyên của các bậc ông bà, cha mẹ trong gia đình luôn luôn xuất phát từ mong muốn cho con cháu mình những điều tốt đẹp nhất. Do đó, con cháu nên nghe theo. Trong khi đó, VTN cũng vẫn tôn trọng ý kiến của người lớn tuổi trong gia đình nhưng tỉ lệ VTN đồng ý với quan điểm này thấp hơn so với các bậc cha mẹ. VTN nam có xu hướng nghe theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi hơn VTN nữ với tỉ lệ đồng ý với nhận định này là 79%, trong khi đó VTN nữ có tỉ lệ đồng ý là 72,3% (kết quả này mang ý nghĩa thống kê với hệ số $p=0,002$).

So sánh theo trình độ học vấn của các bậc cha mẹ, kết quả cho thấy trình độ học vấn của cha mẹ càng cao tỉ lệ đồng ý với nhận định “con cháu luôn tuân theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi” lại càng giảm. Ví dụ, chỉ có 80,2% các bậc cha mẹ có trình độ học vấn từ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên đồng ý với quan điểm này, trong khi tỉ lệ đó ở các bậc cha mẹ có trình độ mù chữ/không đi học, chỉ biết đọc, biết viết...lên tới 92,1%.

Xét theo khu vực, cha mẹ và VTN sinh sống ở thành thị có tỉ lệ đồng ý với nhận định này thấp hơn so với cha mẹ và VTN ở nông thôn. Nếu so sánh tỉ lệ đồng ý với nhận định này giữa cha mẹ và VTN, tỉ lệ của các bậc cha mẹ vẫn cao hơn so với VTN dù ở thành thị hay nông thôn.

Như vậy, quan điểm đồng ý của cha mẹ và VTN về nhận định “cha mẹ hi sinh tất cả cho con cái” và “con cái luôn tuân theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi” đều cao. Nhìn chung, tỉ lệ cha mẹ đồng ý với cả hai quan

điểm này đều cao hơn so với VTN, không phân biệt về mức sống, khu vực thành thị hay nông thôn và tỉ lệ VTN là nam đồng ý với hai nhận định trên cao hơn VTN nữ.

2.2 Sự ưu tiên của cha mẹ đối với VTN là trai-gái trong một số lĩnh vực

Dữ liệu được phân tích từ thông tin thu thập được của câu hỏi nếu trong gia đình có VTN nam-nữ cùng một độ tuổi thì VTN có đồng ý với nhận định: (1) con trai phải làm việc nhiều hơn con gái, (2) con gái phải làm nhiều việc hơn con trai, (3) con trai được ưu tiên học hành hơn con gái, (4) con gái được ưu tiên học hành hơn con trai, (5) con trai được bố mẹ quý hơn con gái, (6) con gái được bố mẹ quý hơn con trai. Câu hỏi này thể hiện suy nghĩ, nhận định của VTN về cách cha mẹ cư xử đối với con trai và con gái trong gia đình mình, đặc biệt khi con cái họ đang ở độ tuổi nhạy cảm mà bất kì sự phân biệt đối xử nào, dù là nhỏ, cũng có thể dẫn tới những suy nghĩ tiêu cực hoặc hành động phản kháng từ phía VTN.

Kết quả cho thấy, trong tổng số 2.603 hộ gia đình có VTN, 332 hộ gia đình có con cái là VTN cùng độ tuổi 15-17, hơn 80% ý kiến của VTN không đồng ý là trong gia đình mình có sự phân biệt đối xử của cha mẹ đối với VTN nam và nữ về lĩnh vực ưu tiên về học hành và tình cảm. Tuy nhiên, vẫn có sự chênh lệch, dù là ít, trong đánh giá rằng con trai được ưu tiên hơn con gái trong cả hai lĩnh vực này. Riêng đối với việc phân công lao động trong gia đình, thể hiện ở đánh giá con trai hay con gái phải làm việc nhiều hơn lại có sự khác biệt: tỉ lệ đồng ý rằng con trai phải làm việc nhiều hơn con gái cao hơn rất nhiều so với tỉ lệ đồng ý là con gái phải làm việc nhiều hơn con trai.

Trong cả ba lĩnh vực, đều có sự khác biệt giữa VTN nam và nữ khi đánh giá. Tỉ lệ các em đồng ý về việc mình được ưu tiên hơn trong một lĩnh vực nào đó so với giới kia đều thấp hơn so với tỉ lệ giới còn lại đồng ý đối với cùng một nhận định.

Về phân công công việc trong gia đình, nhìn chung nam VTN được coi là làm việc nhiều hơn nữ VTN. Tuy nhiên, ý kiến của mỗi giới có khác nhau, thiên về quan điểm cho rằng giới mình phải làm nhiều hơn. Một số VTN cho rằng, bản thân các em có thể tự phân chia việc nhà cho nhau mà không cần sự can thiệp của cha mẹ theo cách anh, chị lớn thường làm nhiều hơn và nhường nhịn cho các em nhỏ hơn.

So sánh theo khu vực thành thị, nông thôn về tỉ lệ đồng ý của VTN đối với ba lĩnh vực nêu trên ta thấy, nhìn chung VTN ở khu vực

thành thị có tỷ lệ đồng ý với các nhận định cao hơn, mặc dù sự khác biệt không lớn. Xét tương quan với mức sống hộ gia đình ta thấy, nhìn chung tỷ lệ ý kiến đồng ý của VTN ở gia đình nghèo cao hơn ở nhóm gia đình khá giả và trung bình. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa 3 nhóm VTN trong các gia đình có mức sống khác nhau có thay đổi theo từng nhận định. Đối với công việc, tỉ lệ VTN ở gia đình nghèo đồng ý là con trai phải làm việc nhiều hơn cao hơn đáng kể so với hai nhóm gia đình còn lại. Trong khi đó, tỉ lệ đánh giá con gái phải làm việc nhiều hơn lại không khác biệt giữa 3 nhóm.

Nhìn chung, qua đánh giá của VTN có thể thấy rằng về cơ bản cách đối xử của cha mẹ đối với con trai và con gái trong gia đình tương đối bình đẳng. Riêng đối với vấn đề ưu tiên cho con học hành, có sự khác biệt giữa VTN theo khu vực và mức sống gia đình. Đó là VTN ở nông thôn và các gia đình có mức sống nghèo và rất nghèo cho rằng con trai được ưu tiên hơn con gái trong lĩnh vực học hành. Điều này phản ánh một phần những suy nghĩ, hành vi của cha mẹ trong mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình.

2.3 Những lo lắng của cha mẹ đối với VTN

Với sự phát triển của các phương tiện giải trí và điều kiện kinh tế xã hội như ngày nay, cha mẹ không ngừng lo lắng cho con cái họ về tất cả mọi mặt từ việc học hành, bạn bè, giải trí, hay sa vào các tệ nạn xã hội... Vì vậy, lo lắng cho con ở độ tuổi này cũng thể hiện giá trị của con cái trong suy nghĩ của cha mẹ. Câu hỏi được đưa ra phân tích ở phần này là những điều mà cha mẹ lo cho con ở tuổi VTN.

Tỉ lệ ý kiến của các bậc cha mẹ khi được hỏi về những lo lắng với con ở tuổi VTN cao nhất đối với 3 vấn đề, lần lượt là: sa vào các tệ nạn xã hội, con cái họ không đủ khả năng học lên cao, và không có việc làm. Có sự khác biệt đáng kể về tỉ lệ ý kiến của các bậc cha mẹ cho rằng họ lo lắng cho con trai hơn con gái đối với vấn đề tệ nạn xã hội (gấp 1,6 lần).

Tùy theo điều kiện gia đình, tỉ lệ ý kiến của các bậc cha mẹ về những lo lắng với VTN là khác nhau, đặc biệt với ba mối lo xếp hàng đầu có sự thay đổi theo mức sống. Cụ thể: đối với hộ gia đình có mức sống khá trở lên, ngoài mối lo lắng về tệ nạn xã hội chiếm tỉ lệ ý kiến cao nhất đối với cả VTN nam và nữ (tương ứng 46,7% với con trai và 28,2% với con gái), mối lo thứ hai là lo lắng con cái không có khả năng học lên cao (tương ứng 27,2% với con trai và 22,3% với con gái). Đến mối lo thứ 3 đối với con trai là việc làm, trong khi đó với con gái ở tuổi VTN lại là vấn

đề quan hệ tình dục trước hôn nhân. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế, khi điều kiện kinh tế gia đình khá giả, rõ ràng con cái có điều kiện hay cơ hội đua đòi, ăn chơi, sa vào các tệ nạn xã hội, lãng quên việc học hành hơn.

Trong khi đó, theo các bậc cha mẹ ở hộ gia đình có mức sống trung bình, ngoài mối lo rằng con họ dễ bị sa vào tệ nạn xã hội, điều mà họ lo lắng thứ hai là về việc học hành của con họ, và xếp thứ ba là mối lo về công ăn việc làm để đảm bảo tương lai con em họ sau này, không có sự khác biệt về thứ tự ưu tiên của những lo lắng này giữa con trai và con gái.

Đối với gia đình có mức sống nghèo và rất nghèo, lo lắng về vấn đề việc làm của con cái lại được đặt ở vị trí số 2 (với tỉ lệ đều trên 20% với cả con trai và con gái), sau mối lo về tệ nạn xã hội với các con ở tuổi VTN. Và xếp vị trí thứ 3 mới là vấn đề lo kinh tế gia đình không đủ để trang trải cho việc học của con cái.

Rõ ràng ta thấy mức sống của hộ gia đình khác nhau chỉ phối tương đối nhiều đến những lo lắng của các bậc cha mẹ tới con cái ở tuổi VTN của mình. Tất cả đều là thực tế chỉ phối tới suy nghĩ và trăn trở của cha mẹ đối với con cái mình bởi lẽ, với cha mẹ, lo cho con cái trưởng thành và có một nền tảng vững chắc về học vấn đảm bảo cho chúng có tương lai tốt đẹp và có thể độc lập cho cuộc sống sau này luôn là mục tiêu phấn đấu của họ. Chính những điều này thể hiện được rằng với các bậc cha mẹ, VTN có giá trị như thế nào trong cuộc sống của họ.

Vậy, từ phía VTN, các em hiểu như thế nào về những lo lắng của cha mẹ đối với mình. Kết quả một số phỏng vấn sâu đối với VTN góp phần cho thấy bản thân các em cũng có sự thấu hiểu và thông cảm với những lo lắng của cha mẹ mình.

“cháu nghĩ bố mẹ cháu còn lo lắng nhiều chứ ạ, về học tập thì chẳng lo lắng gì nhiều vì mình học là cho mình, có lo thì chỉ lo những mối quan hệ bạn bè, bạn trai bạn gái thôi”

(VTN, nữ, 16 tuổi, Lạng Sơn)

Có thể thấy rằng, giữa cha mẹ và VTN cũng có những suy nghĩ tương đối giống nhau về những lo lắng của các bậc cha mẹ đối với con cái mình trong độ tuổi mới lớn này. Lo lắng như vậy, nhưng các bậc cha mẹ hầu như ít lựa chọn cách thức để giải quyết những lo lắng của mình bằng việc ép buộc con nghe theo mình mà thiếu đi sự phân tích, thấu hiểu giữa con cái và cha mẹ. Kết quả nghiên cứu này bước đầu cho thấy, những lo

lắng trong suy nghĩ ấy không biến các bậc cha mẹ thành những nhà độc tài nghiêm khắc giáo dục con cái theo cách áp đặt. Họ đã có những thay đổi trong cả suy nghĩ và hành động với con cái ở tuổi VTN theo chiều hướng bình đẳng, dân chủ hơn, khuyên răn nhẹ nhàng và trở thành những người bạn của con mình để đạt được hiệu quả giáo dục tốt hơn.

CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VỀ HÔN NHÂN

3.1 Quan điểm về quyền quyết định trong hôn nhân

Hôn nhân là nền tảng để tạo nên một gia đình. Đó là cơ sở để gắn kết cuộc đời của một người nam và một người nữ. Tuy nhiên, quan niệm về hôn nhân giữa các thế hệ là tương đối khác nhau, đặc biệt trong các gia đình ba thế hệ trở lên. Vậy quan điểm của cha mẹ và VTN về vấn đề này như thế nào? Liệu các bậc cha mẹ ngày nay còn giữ quan điểm rằng họ là người có quyền trong việc hôn nhân của con cái họ? VTN với những thay đổi trong bối cảnh xã hội khi mà quyền tự do hôn nhân, lựa chọn bạn đời của họ không những được ủng hộ bởi luật pháp và còn cả dư luận xã hội, họ có coi trọng ý kiến của cha mẹ trong việc hôn nhân tương lai của mình hay không? Dữ liệu dùng để phân tích, so sánh quan điểm của cha mẹ và VTN về vấn đề này thu được từ câu hỏi về quan điểm của cha mẹ và VTN về việc có đồng ý với nhận định “Con cái kết hôn nhất thiết phải có sự đồng ý của cha mẹ” và quan điểm của riêng VTN về việc “hôn nhân do ai quyết định”.

Kết quả thu được từ việc phân tích câu hỏi: quan điểm của cả cha mẹ và VTN về việc “con cái kết hôn nhất thiết phải có sự đồng ý của cha mẹ” cho thấy: tỉ lệ cha mẹ và VTN đồng ý với quan điểm này tương đối cao, đều trên 70%.

So sánh quan điểm này theo giới tính cha mẹ, ta thấy không có sự khác biệt giữa cha hay mẹ về việc đồng ý với nhận định con cái kết hôn cần có sự đồng ý của cha mẹ. Trong khi đó, các nhóm cha mẹ có trình độ học vấn khác nhau lại có sự khác biệt rõ rệt. Theo đó, trình độ học vấn càng cao, tỉ lệ cha mẹ đồng ý với quan điểm này càng giảm. Ở nhóm cha mẹ có trình độ học vấn từ tiểu học trở xuống, tỉ lệ đồng ý với quan điểm này tương đối cao, đều trên 88%. Trong khi đó, ở nhóm cha mẹ có trình độ học vấn từ THPT lên đến trung cấp, CĐ, ĐH và trên ĐH chỉ còn dao động ở khoảng 65-66%. Kết quả này mang ý nghĩa thống kê với hệ số $p=0,000$.

So sánh theo khu vực, kết quả phân tích cho thấy các bậc cha mẹ và VTN ở nông thôn đồng ý với quan điểm này cao hơn so với cha mẹ và VTN ở thành thị lần lượt là 8,9 điểm phần trăm ở nhóm cha mẹ và 7,3 điểm phần trăm ở nhóm VTN.

Kết quả tương quan giữa mức sống gia đình với tỉ lệ ý kiến cha mẹ và VTN đồng ý với quan điểm: con cái kết hôn nhất thiết phải có sự đồng ý của cha mẹ cho thấy có sự khác biệt ý kiến giữa người trả lời trong các

gia đình có mức sống khác nhau. Xu hướng chung là các bậc cha mẹ và VTN sống trong các gia đình có mức sống cao hơn thì có tỷ lệ thấp hơn đồng ý với quan điểm trên. Tuy nhiên những khác biệt đó không lớn.

Vậy trước sự thay đổi về vai trò quyết định tuyệt đối của cha mẹ trong hôn nhân của con cái hiện nay, các bậc cha mẹ VTN thường lựa chọn cách thức như thế nào để thể hiện sự quan tâm, giáo dục của bản thân đến con cái họ ở độ tuổi này, trước hết bắt đầu từ chuyện tình cảm nam nữ của các em ở độ tuổi này.

“Chắc thời buổi này nó khác. Trước kia con người nhận thức ở góc độ khác, bây giờ ở góc độ khác, bây giờ không hướng dẫn thì nó sai lắm ngay vì muốn là nó cưới kể cả bố mẹ không đồng ý. Còn ngày xưa mà bố mẹ không đồng ý thì con cái cũng đành chịu.”

(PVS nam chủ hộ, 49 tuổi, Hải Phòng)

Như vậy, cách thức mà cha mẹ VTN thể hiện vai trò của mình trong quyết định liên quan tới chuyện tình cảm nam nữ cũng như hôn nhân của con cái mình sau này đó là định hướng để con cái họ có thể tự lựa chọn người bạn đời phù hợp và tự chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình đối với cuộc sống hôn nhân sau này. Đây là quan niệm thể hiện sự dân chủ, bình đẳng trong cách nghĩ của cha mẹ trong mối quan hệ với con cái, tiến bộ hơn rất nhiều so với trước đây.

Sự khác biệt trong cách nghĩ của VTN nam và nữ về vấn đề này là không đáng kể. Tuy nhiên, từ quan điểm của các em, sự can thiệp của cha mẹ trong vấn đề này có giống như các bậc cha mẹ VTN cho rằng họ đang làm như vậy hay không? Kết quả thu được từ thông tin định tính cho thấy, cả VTN nam và nữ đều suy nghĩ rằng, cha mẹ các em vẫn quan tâm đến vấn đề này và can thiệp ở mức khuyến nhủ, trò chuyện phân tích đúng sai với các em.

“...bố mẹ cũng khuyên là tuổi này thì không nên, phải dành cho học...Nếu mà có thì bố mẹ em cũng không ngăn cấm nhiều lắm, chỉ khuyên cho em hiểu thôi, tất cả tự em hết, em sẽ đưa ra quyết định cuối cùng làm sao mà tốt nhất.”

(Nữ, 17 tuổi, Hồ Chí Minh)

Và từ phía mình, trước sự can thiệp của cha mẹ, theo một số em, VTN có thể. Trong trường hợp bị cha mẹ phản đối với mối quan hệ của mình, VTN có thể lựa chọn cách thức thuyết phục dần dần. Hoặc lựa chọn thời điểm thích hợp hơn trong tương lai để bắt đầu những quan hệ tình cảm:

Kết quả thu được từ thông tin định lượng về ý kiến của các em khi trả lời câu hỏi: hôn nhân sẽ do ai quyết định cũng tương đối đồng nhất với thông tin định tính. Tỷ lệ cao nhất được lựa chọn với ý kiến “thanh niên quyết định có hỏi ý kiến của cha mẹ” đạt 84,7%; các phương án còn lại như: cha mẹ quyết định nhưng hỏi ý kiến của thanh niên hay cha mẹ quyết định hoàn toàn có tỷ lệ lựa chọn rất thấp lần lượt là: 7,9% và 4,1%.

Xét tương quan với yếu tố giới tính của VTN và khu vực nông thôn, thành thị, không có sự khác biệt đáng kể giữa VTN nam và nữ trong quan điểm về vấn đề này với tỷ lệ chọn phương án thanh niên quyết định có hỏi ý kiến của cha mẹ ở nam VTN 83,9% là và ở nữ VTN là 85,6%; ở thành thị là 84,2% và nông thôn là 84,9%. Kết quả này không mang ý nghĩa thống kê với hệ số p lần lượt là 0,354 và 0,188.

Tuy nhiên, kết quả tương quan giữa ý kiến của VTN với trình độ học vấn của cha mẹ lại cho thấy sự khác biệt. Cụ thể: xét ý kiến mà VTN lựa chọn với tỷ lệ cao nhất là “thanh niên quyết định có hỏi ý kiến của cha mẹ”, ta thấy, trình độ học vấn của cha mẹ tỷ lệ thuận với tỷ lệ đồng ý với ý kiến này của VTN, đặc biệt ở nhóm VTN có trình độ học vấn của cha mẹ từ trung cấp, CĐ, ĐH trở lên có tỷ lệ lựa chọn phương án này cao hơn 14,3 điểm phần trăm so với VTN có cha mẹ có trình độ học vấn mù chữ/chỉ biết đọc, biết viết. Kết quả này mang ý nghĩa thống kê với hệ số $p=0,000$. Như vậy, các bậc cha mẹ có trình độ học vấn cao có xu hướng định hướng tốt hơn trong suy nghĩ của con cái đối với vấn đề hôn nhân, tôn trọng và tin tưởng vào quyết định của con cái họ so với các bậc cha mẹ có trình độ học vấn thấp hơn.

Nhìn chung, từ quan điểm của cha mẹ hay VTN về việc con cái họ bắt đầu có mối quan hệ tình cảm và duy trì nó để tiến tới hôn nhân hay không đều tương đối đồng nhất ở chỗ: cha mẹ vẫn thể hiện vai trò của mình đối với quyết định trong hôn nhân của con cái họ. Tuy nhiên, vai trò đó hiện nay chuyển từ tính chất quyết định tuyệt đối sang vai trò mang tính định hướng cho con cái có trách nhiệm và suy nghĩ đúng đắn hơn đối với quyết định của bản thân. Điều này hoàn toàn phù hợp với sự thay đổi của bối cảnh xã hội hiện nay và với bản thân sự thay đổi trong suy nghĩ của VTN. Các em có cơ hội thể hiện sự bình đẳng, dân chủ trong quan hệ với cha mẹ mình, vẫn lắng nghe, tham khảo, tôn trọng ý kiến cha mẹ nhưng hoàn toàn có quyền thể hiện suy nghĩ của bản thân.

3.2 Quan điểm về sống chung/riêng sau hôn nhân

Theo quan điểm truyền thống, cha mẹ già ngày xưa thường sống chung với con cái đã trưởng thành, đã lập gia đình và hình thành mô hình sống chung 3 thế hệ: ông bà, cha mẹ, con cháu. Ngày nay, mô hình này đã dần thay đổi (Nguyễn Hữu Minh, 2009). Việc sống chung hay sống riêng có thể ảnh hưởng đến điều kiện thực hiện quan hệ dân chủ trong gia đình giữa cha mẹ và con cái. Sống riêng, tự lập về kinh tế là cơ sở quan trọng để các cá nhân có tiếng nói độc lập hơn trong các quyết định của mình. Phân tích quan điểm về việc sống chung/riêng sau khi con cái đã kết hôn từ phía cha mẹ và VTN ngoài mục đích để thấy được bản thân họ suy nghĩ như thế nào về vấn đề này, còn để thấy được xu hướng về mối quan hệ dân chủ giữa các thế hệ trong tương lai.

Kết quả phân tích chỉ ra rằng, quan điểm về mô hình sống giữa các thế hệ sau khi con cái kết hôn có sự khác biệt giữa các bậc cha mẹ và VTN. Cụ thể: tỉ lệ VTN muốn sống riêng sau khi kết hôn cao hơn so với các bậc cha mẹ 12,3 điểm phần trăm. Tuy nhiên, với trên 50% các bậc cha mẹ cho rằng nên sống riêng với con cái sau khi chúng kết hôn cũng thể hiện được sự thay đổi đáng kể trong quan điểm về mô hình sống chung giữa các thế hệ: xu hướng sống theo kiểu gia đình nhiều thế hệ không còn chiếm tỉ lệ đa số như trước nữa.

So sánh giữa khu vực nông thôn và thành thị, kết quả phân tích cho thấy, cả bậc cha mẹ và VTN ở thành thị đều cho rằng nên sống riêng sau khi con cái kết hôn cao hơn so với các bậc cha mẹ và VTN ở nông thôn. So sánh quan điểm của các bậc cha mẹ và VTN theo mức sống hộ gia đình cho thấy tỉ lệ của các bậc cha mẹ và VTN đồng ý với quan điểm sống riêng tăng lên khi mức sống của hộ gia đình tăng.

Xét theo giới tính của cha mẹ và VTN, ta không thấy có sự khác biệt nhiều giữa cha và mẹ trong mong muốn sống riêng với con cái khi họ còn khỏe mạnh. Nhưng với VTN, tỉ lệ này ở nữ cao hơn 6,9 điểm phần trăm so với nam VTN. Điều này gợi ra rằng nam VTN có xu hướng bảo lưu quan điểm truyền thống, muốn sống chung với cha mẹ sau khi kết hôn trong khi nữ VTN có tư tưởng muốn sống riêng nhiều hơn. Phân tích thông tin thu được từ câu hỏi sâu hơn về lý do tại sao nên sống chung, tại sao nên sống riêng, số liệu thu được cho thấy ý kiến của các bậc cha mẹ và VTN như sau: lý do sống chung là “để cha mẹ và con cái giúp đỡ lẫn nhau” chiếm tỉ lệ cao nhất: 47,8%; lý do thứ 2 là “để con cái giúp đỡ cha

mẹ” với 24,2%, và sự lựa chọn thứ 3 mới là lý do “theo truyền thống và đạo lý gia đình Việt Nam”.

Đối với những bậc cha mẹ có quan điểm nên sống riêng sau khi con cái đã lập gia đình, lý do họ đưa ra là “để con cái và cha mẹ được thoải mái” chiếm tỉ lệ cao nhất với 42,8%, tiếp đến là phương án “để con cái và cha mẹ được thoải mái” và để “cha mẹ và con cái độc lập về kinh tế” chiếm vị trí thứ 2 với 34,4%.

Điều này được các bậc cha mẹ lý giải như sau:

“Cái đó phụ thuộc vào kinh tế là chủ yếu, kinh tế mà đủ khả năng ra riêng thì ra riêng còn không được thì phụ thuộc vào gia đình di dời, cái số mà mới cưới, mới có công việc làm ổn định nhưng chưa đủ vốn hoặc khả năng ra riêng thì phụ thuộc vào gia đình một thời gian...”

(TLN cán bộ, TP Hồ Chí Minh)

Tuy nhiên, khi so sánh giữa quan điểm của cha mẹ và VTN về lý do tại sao nên sống riêng ta thấy có sự khác biệt ở chỗ: theo VTN, lý do nên sống riêng là “để con cái và cha mẹ được tự do, thoải mái” chiếm tỉ lệ cao nhất với 42,8%, cao hơn 12,1 điểm phần trăm so với tỉ lệ ý kiến này ở cha mẹ. Trong khi đó, theo ý kiến của các bậc cha mẹ lý do chính mà con cái họ nên sống riêng là để “con cái và cha mẹ độc lập về kinh tế” chiếm tỉ lệ cao nhất với 33,1%, cao hơn 10,7 điểm phần trăm so với tỉ lệ ý kiến này ở VTN.

KẾT LUẬN

Quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình đã được phân tích dựa trên việc so sánh quan điểm của họ trên hai khía cạnh chính nhằm làm rõ chiều cạnh dân chủ, bình đẳng trong mối quan hệ này. Thứ nhất là: giá trị của VTN với cha mẹ thể hiện ở quan điểm của cả hai về việc cha mẹ hi sinh tất cả cho con cái và sự vâng lời của con cái đối với người lớn tuổi trong gia đình; sự ưu tiên của cha mẹ với VTN là trai-gái trong gia đình trong các lĩnh vực như: phân công công việc trong gia đình, ưu tiên dành tình cảm ưu tiên đầu tư cho học hành; và lo lắng của các bậc cha mẹ với con. Thứ hai là: quan điểm của cha mẹ và VTN về hôn nhân bao gồm: quyền quyết định trong hôn nhân và việc sống chung hay sống riêng.

Nhìn chung, kết quả phân tích đối với những câu hỏi dành cho cả cha mẹ và VTN trên cùng một lĩnh vực như sự hi sinh của cha mẹ với con cái, sự vâng lời của con cái đối với người lớn tuổi trong gia đình hay người quyết định hôn nhân và việc sống chung hay sống riêng đều thể hiện rằng, quan hệ giữa cha mẹ và VTN hiện nay ở một khía cạnh nào đó vẫn giữ lại những nét truyền thống rất phương Đông trong suy nghĩ. Ví dụ như đối với vấn đề hi sinh của cha mẹ với con cái hay con cái nên nghe theo lời chỉ bảo của người lớn tuổi hay con cái kết hôn cần có sự đồng ý của cha mẹ đều nhận được tỉ lệ đồng ý khá cao ở cả cha mẹ và VTN không phân biệt mức sống gia đình, học vấn cha mẹ hay khu vực cư trú...Tỉ lệ đồng ý của cha mẹ nói chung đều cao hơn VTN, đặc biệt đối với những vấn đề thể hiện tình cảm, sự quan tâm đối với con cái của cha mẹ như hi sinh cho con, quan tâm đến hôn nhân của con...

Tuy nhiên, mối quan hệ ấy rõ ràng đã có sự thay đổi theo chiều hướng dân chủ, bình đẳng hơn thể hiện ở quan điểm chung của cha mẹ và VTN trong vấn đề về hôn nhân: cả hai đều đồng ý rằng: hôn nhân do VTN quyết định có tham khảo ý kiến của cha mẹ. Như vậy, cả cha mẹ và VTN đều có xu hướng ý thức được về sự thay đổi trong mối quan hệ giữa họ: cha mẹ luôn giữ vai trò truyền thống là giáo dục con cái thay đổi ở chỗ họ định hướng trong tư duy, và bước đầu thể hiện sự tôn trọng những suy nghĩ của con cái. VTN cũng vậy, các em có nhận thức, tôn trọng ý kiến của cha mẹ nhưng vẫn tìm cách thể hiện quan điểm và lối suy nghĩ của riêng mình. Những kết quả của nghiên cứu này bước đầu cho thấy xu hướng VTN và cha mẹ có thể thỏa hiệp mà không dẫn tới xung đột trong mối quan hệ gia đình này.

Các yếu tố như trình độ học vấn của cha mẹ, mức sống hộ gia đình và nơi cư trú có ảnh hưởng nhất định tới quan điểm của cả cha mẹ và VTN về các vấn đề được phân tích. Nhìn chung, cha mẹ và VTN có trình

độ học vấn cao, gia đình có mức sống cao và ở thành thị có xu hướng suy nghĩ thoáng, ít ràng buộc với con cái, tôn trọng, tin tưởng và can thiệp ít hơn vào các vấn đề của VTN hơn các bậc cha mẹ có trình độ học vấn thấp, mức sống hộ gia đình thấp hơn và ở nông thôn. Điều này thể hiện ở hầu hết các lĩnh vực được phân tích như: đồng ý với quan điểm hi sinh tất cả cho con cái, con cái tuân theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi trong gia đình, quyết định hôn nhân của con cái hay việc lựa chọn sống chung, sống riêng. Đặc biệt, yếu tố mức sống gia đình có ảnh hưởng nhiều tới thứ tự ưu tiên những lo lắng của cha mẹ với con cái ở tuổi VTN.

Đối với cha mẹ, yếu tố giới tính không có ảnh hưởng nhiều tới các vấn đề được phân tích. Nhưng với VTN, yếu tố này có ảnh hưởng tới quan điểm của các em về mối quan hệ với cha mẹ. VTN nam nhìn chung có xu hướng bảo lưu cách nghĩ và quan niệm truyền thống hơn so với VTN nữ trên hầu hết các lĩnh vực. Đối với việc nghe theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi hay sự hi sinh của cha mẹ với con cái, việc quyết định hôn nhân phải có sự đồng ý của cha mẹ, sống chung với gia đình sau khi kết hôn, tỉ lệ VTN nam đồng ý đều cao hơn VTN nữ. Nói chung, các em đều thừa nhận xu hướng tương đối bình đẳng khi được hỏi về sự ưu tiên của cha mẹ đối với con cái cùng tuổi VTN trong gia đình không phân biệt trai gái ngoại trừ về việc ưu tiên học hành. VTN nam ở nông thôn và ở hộ gia đình có mức sống nghèo cho rằng con trai được ưu tiên hơn con gái trong vấn đề học hành. Điều này thể hiện phần nào vai trò của yếu tố kinh tế và sự bảo lưu truyền thống mạnh mẽ hơn ở khu vực nông thôn trong việc đối xử giữa con trai và con gái trong gia đình.

Do hạn chế của đề tài chỉ khai thác được một số câu hỏi trong Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006, nên việc phân tích mối quan hệ giữa cha mẹ và VTN trong gia đình chỉ tập trung ở việc phân tích, so sánh quan điểm giữa cha mẹ và VTN trong một số lĩnh vực thể hiện chiều cạnh dân chủ, bình đẳng và có ảnh hưởng tới mối quan hệ gia đình này trong tương lai mà chưa phân tích được những suy nghĩ, quan điểm này thể hiện ra hành động, cách cư xử giữa cha mẹ và VTN như thế nào và liệu rằng từ thay đổi của những suy nghĩ, quan điểm đó có khiến cho mối quan hệ gia đình này tìm được sự thỏa hiệp tương đối, tránh xung đột mà vẫn giữ được những nét truyền thống của gia đình Việt Nam hay không? Những vấn đề này vẫn cần phải có những nghiên cứu tiếp theo.